

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **363/2025/DS-PT**

Ngày 24 – 9 – 2025

V/v Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị My My và bà Lê Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2025/TLPT-DS ngày 31/7/2025 về việc “Kiện đòi tài sản”.

Do có kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Kim D đối với Bản án sơ thẩm số 76/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 349/2025/QĐ-PT ngày 21/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 329/2025/QĐ-PT ngày 11/9/2025 và Thông báo chuyển lịch số 1255/2025/TB-CL ngày 16/9/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Giang N, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Xuân Q, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Kim D, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số A D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) – Có mặt.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Hồ Thị Phương A, sinh năm 2001. Địa chỉ: Số B Quốc lộ A, thôn E, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Giang N và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:***

Năm 2024, bà Nguyễn Kim D và ông Nguyễn Giang N ly hôn theo Quyết định số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2024. Sau đó, ông N và bà D đã thực hiện việc phân chia tài sản chung của vợ chồng theo Bản án số 106/2024/HNGĐ-ST ngày 25/6/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Giang N và bà Nguyễn Kim D đã tự thoả thuận với nhau về việc thanh toán nợ, phân chia tài sản. Tại văn bản thoả thuận ngày 16/8/2024, ông N và bà D thống nhất giao toàn bộ tài sản cho bà D quản lý sử dụng. Bà D có nghĩa vụ thanh toán cho ông N số tiền 600.000.000 đồng. Thực hiện thoả thuận này, bà D đã thanh toán cho ông N số tiền 500.000.000 đồng và còn nợ lại 100.000.000 đồng nên bà D viết lại giấy nhận nợ đề ngày 16/8/2024 hẹn đến ngày 16/9/2024 trả cho ông N. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay, bà D chưa thanh toán được đồng nào cho ông N. Nên ông Nguyễn Giang N khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Kim D trả số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

**** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Kim D và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:***

Vào năm 2024, bà Nguyễn Kim D và ông Nguyễn Giang N ly hôn. Cùng năm đó, ông Nguyễn Giang N tiếp tục khởi kiện yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung. Bản án có hiệu lực pháp luật, hai bên đã thoả thuận riêng rằng bà Nguyễn Kim D sẽ nhận toàn bộ tài sản chung và chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ chung của vợ chồng, còn ông Nguyễn Giang N sẽ nhận lại giá trị tài sản chung từ bà Nguyễn Kim D số tiền 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, bà Nguyễn Kim D phải vay mượn để thanh toán cho ông Nguyễn Giang N tổng cộng 500.000.000 đồng. số tiền 100.000.000 đồng còn lại vào ngày 10/08/2024 bà Nguyễn Kim D ký giấy nhận nợ với ông N.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Giang N không quan tâm đến cuộc sống của các con chung, cũng không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ cấp dưỡng nào. Trước đó, hai bên đã thống nhất rằng số tiền 100.000.000 đồng này sẽ được trừ vào khoản cấp dưỡng nuôi con chung và không cần bà D hoàn trả. Dù thoả thuận này không được lập thành văn bản, nhưng thực tế cho thấy bà Nguyễn Kim D đã gánh vác toàn bộ khoản nợ cũng như chi phí nuôi con, trong khi ông Nguyễn Giang N không hề có bất kỳ đóng góp nào. Thế nhưng, hiện nay ông Nguyễn Giang N lại khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Kim D trả số tiền này mà không đề cập đến thoả thuận miệng trước đây, điều này đi ngược lại sự thoả thuận ban đầu mà còn gây áp lực tài chính rất lớn cho bà Nguyễn Kim D.

Hiện nay, bà Nguyễn Kim D đang phải gánh nhiều khoản vay để trả số tiền 500.000.000 đồng trước đó, đồng thời phải lo chi phí nuôi con một mình do không nhận được bất kỳ sự hỗ trợ nào từ ông Nguyễn Giang N. Trong khi đó, khoản 100.000.000 đồng này trước đó đã được hai bên thoả thuận là khoản cấp dưỡng cho con chung.

Bà Nguyễn Kim D thừa nhận đã ký giấy nhận nợ với ông Nguyễn Giang N số tiền 100.000.000 đồng. Hiện nay, bà Nguyễn Kim D đang gặp khó khăn tài chính việc yêu cầu bà Nguyễn Kim D thanh toán ngay số tiền này còn đi ngược lại thỏa thuận trước đó giữa hai bên. Cho nên đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Giang N đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Giang N.

Tại Bản án sơ thẩm số 76/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk) đã quyết định:

- Áp dụng: khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng: Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Giang N.

Buộc bà Nguyễn Kim D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Giang N số tiền gốc là 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* **Kháng cáo:** Ngày 04/6/2025, bị đơn bà Nguyễn Kim D kháng cáo toàn bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Kim D - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân thành

phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Kim D nộp trong thời hạn luật định đã nộp tạm ứng án phí. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Kim D, thì thấy:

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận: Năm 2024, bà Nguyễn Kim D và ông Nguyễn Giang N ly hôn theo Quyết định số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, các bên đã được phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân theo Bản án số 106/2024/HNGĐ-ST ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, theo đó: Về tài sản chung: Bà D được quyền quản lý, sở hữu đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 47 diện tích 103,2m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo GCNQSD đất số BP296412 ngày 12/5/2015 và toàn bộ tài sản trên đất. Bà D có trách nhiệm thanh toán 1.094.558.331 đồng cho ông Nguyễn Giang N. Về nợ chung: Buộc ông N và bà D mỗi người trả cho bà Nguyễn Thị R số tiền 167.108.500 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 238.003.000 đồng; trả cho bà Trần Thị Lê S tiền 62.196.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Giang N và bà Nguyễn Kim D đã tự thỏa thuận lại với nhau về việc thanh toán nợ, phân chia tài sản chung theo văn bản thỏa thuận ngày 16/8/2024. Theo đó, bà D được quyền sử dụng toàn bộ tài sản là thửa đất số 105 theo GCNQSD đất số BP296412 và tài sản trên đất. Bà D có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Đồng thời, bà D có trách nhiệm trả nợ thay cho ông N các khoản nợ sau: Trả bà Nguyễn Thị R số tiền 167.108.500 đồng; trả bà Nguyễn Thị T số tiền 238.003.000 đồng; trả bà Trần Thị Lê S tiền 62.196.000 đồng.

Tại cấp phúc thẩm, bà Nguyễn Thị R, Nguyễn Thị T và Trần Thị Lê Đ đồng ý việc bà D và ông N thỏa thuận chuyển giao khoản nợ của ông N cho bà D trả thay và hiện nay bà D đã trả xong các khoản nợ theo Bản án số 106/2024/HNGĐ-ST ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho các bà Nguyễn Thị R, bà Nguyễn Thị T và bà Trần Thị Lê. Hiện nay, bà D đã thanh toán hết nợ cho bà R, bà T và bà L (bao gồm cả phần nợ mà bà D nhận trả thay cho ông N). Các tình tiết nêu trên các đương sự đều thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thực hiện các thỏa thuận trên, bà D đã thanh toán cho ông N số tiền 500.000.000 đồng và viết lại giấy nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng đề ngày 16/8/2024 hẹn đến ngày 16/9/2024 trả đủ cho ông N. Như vậy, hiện nay bà D còn nợ ông N. Bà D cho rằng số tiền 100.000.000 đồng nêu trên hai bên đã thỏa thuận để nuôi dưỡng các con chung và ông N không phải cấp dưỡng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Kim D không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh và ông N

không thừa nhận có sự thỏa thuận này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà D còn nợ ông N số tiền 100.000.000 đồng và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Giang N là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Kim D.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Kim D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Kim D.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 76/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk).

[2] Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[3] **Tuyên xử:**

[3.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Giang N: Buộc bà Nguyễn Kim D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Giang N số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Kim D phải chịu 5.000.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Giang N số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000749 ngày 22/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đắk Lắk).

[3.3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng bà D đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2023/0011166 ngày 16/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân

sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đắk Lắk).

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đắk Lắk ;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết